

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HSST

Ngày: 15/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Th.

2. Ông Nguyễn Văn B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Mai Duy P, sinh ngày 01/01/1996 tại thị xã K; nơi cư trú: ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh LA; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tài xế; con ông Mai Kim T, sinh năm 1978 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ con, hiện đang chung sống như vợ chồng với Võ Thị D, sinh năm 1998; Tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Ngày 05/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xử phạt 01 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ

luật Hình sự (Bản án số: 25/2018/HS-ST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2019, chưa hết thời hạn được xóa án tích.

+ Ngày 27/4/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA xử phạt 03 năm 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 và điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự (Bản án số: 11/2021/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2024, chưa hết thời hạn được xóa án tích.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K từ ngày 07/11/2024 đến nay.

2. Võ Thị D, sinh ngày 30/12/1998 tại thị xã K; nơi cư trú: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh LA; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không có; con ông Võ Văn C, sinh năm: 1974 và bà Thạch Thị V, sinh năm 1976; bị cáo có chồng tên Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 2000 (đã chết), hiện đang chung sống như vợ chồng với Mai Duy P; con: có 02 người, sinh năm 2019 và 2023; Tiền sự, Tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025 đến nay.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh LA.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Trần Quốc A (tên gọi khác: An Đức C1), sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh LA.

+ Ông Trương Văn C2, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Hiện ngụ tại: Quốc lộ F, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh LA.

- *Người làm chứng:* Ông Đoàn Phương T2, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh LA

Bị cáo P, bị cáo D, ông A có mặt.

Ông L, ông C2, ông T2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 31/10/2024, Mai Duy P điều khiển xe mô tô, hiệu Honda Wave, màu cà phê sữa, biển số 59S1-05959 chở Võ Thị D đi từ xã B ra chợ K để ăn tối. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/11/2024, D chở P đi vòng vòng chơi, khi qua cầu H thuộc khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh LA, P nhìn thấy 01 cây mai kiểng

trồng trong chậu để trước nhà của Nguyễn Thanh L không có người trông coi nên P kêu D ngừng xe gần vị trí cây mai. Sau đó, P nhảy xuống xe lén lút đi lại nhổ cây mai lên, sau khi nhổ xong P cầm cây mai chạy bộ về hướng đường Ủ nhân dân Phường C, thị xã K. D thấy P cầm cây mai chạy đi nên chạy xe theo phía sau P. Lúc này, P gặp Trần Quốc A (tên gọi khác: An Đức C1), chạy xe lờn kéo đang nhặt ve chai gần đó nên P kêu A chở dùm cây mai đến cầu M còn P đi về hướng D. Sau đó, A chạy xe đi nhặt ve chai và đem bỏ cây mai tại bãi đất trống đối diện quán K1 thuộc Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh LA. Khi gặp được D, P điều khiển xe chở D đi tìm A để lấy cây mai. Sau khi tìm được A chỉ nơi để cây mai, P đến quán gốc mai lại và điều khiển xe chở D cùng với cây mai về ấp Ô, xã B, thị xã K, P để cây mai tại bãi đất trống gần nhà D. Sau đó, P và D chạy xe mô tô biển số 59S1-05959 đem qua Campuchia cầm với giá 7.000.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, P thuê taxi cùng với D chở cây mai về nhà bạn tên D1 (không rõ họ tên và địa chỉ) ở huyện Đ, tỉnh LA chơi. Đến ngày 05/11/2024, P thuê xe taxi cùng với D đem theo cây mai về nhà người tên L1 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) bạn của P ở huyện T, tỉnh LA, P tìm người bán mai. Đến sáng ngày 06/11/2024, sau khi đã phát hiện bị mất trộm cây mai, ông L đến Công an trình báo sự việc. Đến trưa ngày 06/11/2024, P nhờ Đoàn Phương T2 bán dùm cây mai với giá 3.300.000 đồng. Sau đó, do nghi ngờ cây mai là do P trộm cắp của người khác nên T2 đến Công an P2, thị xã K. Trong lúc P và D ngồi chờ tài xế taxi Trương Văn C2, chở cây mai đi giao cho T2) tại quán cà phê thuộc xã B, huyện M, tỉnh LA thì bị Công an P2, thị xã K phát hiện và lập biên bản làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐ-ĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự trên địa bàn thị xã K, tỉnh LA kết luận: 01 cây mai kiểng bonsai, cao 80cm, đường kính tàng 90cm, chu vi thân nơi lớn nhất 49cm, đường kính bầu rễ 55cm có giá trị 4.000.000 đồng.

Tang vật tạm giữ: 01 cây mai kiểng bonsai, cao 80cm, đường kính tàng 90cm, chu vi thân nơi lớn nhất 49cm, đường kính bầu rễ 55cm; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen và 01 USB trích xuất camera. Cơ quan điều tra đã trả lại 01 cây mai kiểng bonsai cho bị hại Nguyễn Thanh L xong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại L yêu cầu nhận lại tài sản bị mất trộm, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại, ông L không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSKT ngày 19/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh LA đã truy tố bị cáo Mai Duy P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự*); bị cáo Võ Thị D về tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

Về tội danh: đề nghị tuyên bố bị cáo Mai Duy P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị D phạm tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính:

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Duy P mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 390; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị D mức án tù 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng bị cáo P nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen mà P sử dụng để thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản phạm tội. Lưu hồ sơ vụ án 01 USB trích xuất camera.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Quốc A thống nhất với lời trình bày của các bị cáo và không có ý kiến gì khác.

Các bị cáo đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có

ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: ông L, ông C2, ông T2 vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tất cả đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Mai Duy P và bị cáo Võ Thị D trước phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp với nội dung bản cáo trạng nên có cơ sở xác định:

[3.1] Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/11/2024, tại khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh LA, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Mai Duy P đã lén lút lấy trộm 01 cây mai kiểng bonsai, cao 80cm, đường kính tàng 90cm, chu vi thân nơi lớn nhất 49cm, đường kính bầu rễ 55cm có giá trị 4.000.000 đồng của Nguyễn Thanh L. Do P có 02 (hai) tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên P phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Đối với Võ Thị D, trong lúc P lấy trộm cây mai, D biết rõ P đã lấy trộm 01 cây mai của Nguyễn Thanh L (cả hai không có hứa hẹn trước) nhưng D không tố giác hành vi phạm tội của P mà cùng P đem cây mai về nhà và cùng P đi tiêu thụ cây mai. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo D phạm tội “Không tố giác tội phạm” được quy định khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong đó, hành vi phạm tội của bị cáo P xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo D xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra xử lý tội phạm. Hành vi của các bị cáo gây tâm lý hoang mang, gây mất trật tự trị an trong cuộc sống. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: bị cáo P có nhân thân xấu. Bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo P, bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo P có ông nội là người có công với cách mạng được địa phương xác nhận, bị cáo D đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo P, nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo P ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo P phạm tội mới và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối với bị cáo D, xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo D, nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo P nghề nghiệp không ổn định, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

[10.1] Việc cơ quan điều tra trả lại cây mai cho ông L là phù hợp.

[10.2] 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của bị cáo P, là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[10.3] Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB trích xuất camera.

[11] Về trách nhiệm dân sự: ông L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Bị cáo P, bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với Trần Quốc A được P nhờ chở cây mai nhưng không biết cây mai là do P trộm mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[14] Đối với tài xế Trương Văn C2 được P thuê xe chở cây mai đem đi bán cho T2 nhưng không biết cây mai là do P trộm mà có nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[15] Đối với người tên D1 ở huyện Đ và người tên L1 ở huyện T mà P đem cây mai đến gửi để tìm người tiêu thụ nhưng P không nói tài sản là do P trộm mà có và không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không xem xét trách nhiệm liên quan.

[16] Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, màu cà phê sữa, biển số 59S1-05959 P dùng để chở cây mai trộm được đi cất giấu hiện nay P đã đem xe trên qua Campuchia cầm với số tiền 7.000.000 đồng, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xem xét.

[17] Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K về việc xử lý vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, tuyên bố: Bị cáo Mai Duy P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Võ Thị D phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Mai Duy P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam là ngày 07/11/2024.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 390; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Thị D 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/4/2025.

Giao bị cáo Võ Thị D cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh LA, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo D. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và 93 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo P 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án 15/4/2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo P.

5. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của bị cáo P. Lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) USB trích xuất camera.

Theo quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKSKT ngày 19/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K.

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Mai Duy P, bị cáo Võ Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông L, ông C2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CQCSĐT Công an tỉnh LA;
- Phân trại tạm giam khu vực thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1